

**BỘ CÔNG THƯƠNG  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ  
\*\*\*\*\***

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
TIẾNG TRUNG 5**

**Số tín chỉ: 03  
Trình độ đào tạo: Đại học  
Ngành: Không chuyên**

**Năm 2019**

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Không chuyên

1. Tên học phần: Tiếng Trung 5

2. Mã học phần: TTRUNG 304

3. Số tín chỉ: 3 (3,0)

4. Trình độ: Năm thứ 3 (kỳ II)

5. Phân bổ thời gian:

- Lên lớp: 30 tiết lý thuyết, 0 giờ thực hành

- Tự học: 90 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã học xong học phần Tiếng Trung 4

7. Giảng viên:

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Nguyễn Thị Hoa	0988900158	nthoa@saodo.edu.vn
2	ThS. Nguyễn Thị Lan	0348518391	ntlan@saodo.edu.vn
3	ThS. Bùi Thị Trang	0978693593	bttrang@saodo.edu.vn
4	ThS. Nguyễn Thị Xuyên	0988964751	ntxuyen@saodo.edu.vn

8. Mô tả nội dung của học phần:

Nội dung các bài cung cấp cho sinh viên các từ vựng bài khóa liên quan đến các chủ đề giao tiếp trong đời sống hàng ngày như: Đi tham quan, du lịch, học tập, thể thao, chụp ảnh, miêu tả người.....Kiến thức ngữ pháp được trình bày từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp: Câu bổ ngữ kết quả, trợ từ động thái “过”, bổ ngữ động lượng, biểu đạt số thứ tự, cấu trúc “一 .... 就.....”, “是 ..... 的”, lặp lại tính từ, vị ngữ chủ vị, câu bị động, lặp lại lượng từ, bổ ngữ xu hướng kép, trợ từ động thái “着”. Các bài tập trong học phần được thiết kế tập trung rèn luyện, củng cố các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tương ứng với nội dung từng bài.

9. Mục tiêu của học phần:

9.1 Mục tiêu

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo được trình bày theo bảng sau:

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
MT1	Kiến thức		
MT1.1	Liệt kê từ vựng liên quan đến các chủ đề trong đời	3	[1.2.1.1b]

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
	sống hàng ngày như: Đi tham quan, du lịch, học tập, thể thao, chụp ảnh, miêu tả người....		
MT1.2	Sử dụng đúng các cấu trúc ngữ pháp: câu bổ ngữ xu hướng, trợ từ động thái “了”、“过”、“着”，câu bị động, bổ ngữ xu hướng kép...	3	[1.2.1.1b]
MT2	<b>Kỹ năng</b>		
MT2.1	Diễn đạt được các câu liên quan đến các chủ đề trong đời sống hàng ngày như đi tham quan, du lịch, học tập, thể thao, chụp ảnh, miêu tả người.... Nghe hiểu các đoạn hội thoại, đọc thoại về các chủ điểm giao tiếp trong chương trình được học.	3	[1.2.2.2] [1.2.2.4]
MT2.2	Đọc hiểu được các đoạn văn 350– 450 chữ về các chủ điểm giao tiếp trong chương trình. Viết được các đoạn văn ngắn giới thiệu về chuyến tham quan, du lịch, học tập, thể thao, chụp ảnh, miêu tả người....có sử dụng những cấu trúc ngữ pháp đã được học.	3	[1.2.2.2] [1.2.2.4]
MT3	<b>Mức tự chủ và trách nhiệm</b>		
MT3.1	Sử dụng đúng các kiến thức đã học trong các tình huống giao tiếp thực tế trong đời sống xã hội và trong công việc tương lai.	4	[1.2.3.1]
MT3.2	Sinh viên có năng lực: Làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp.	4	[1.2.3.1]

## 9.2. Chuẩn đầu ra cho học phần

CDR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CDR học phần trong CTĐT
CDR1	<b>Kiến thức</b>		
CDR1.1	Người học <b>nhớ</b> được 600 từ vựng liên quan đến các chủ đề trong đời sống hàng ngày như: Học tập, thi cử, sở thích về âm nhạc, thời tiết...	3	[2.1.3]
CDR1.2	Sử dụng được các cấu trúc ngữ pháp và từ vựng đã học trong học phần để đặt câu.	3	[2.1.3]

<b>CDR học phần</b>	<b>Mô tả</b>	<b>Thang đo Bloom</b>	<b>Phân bố CDR học phần trong CTĐT</b>
CDR2	<b>Kỹ năng</b>		
CDR2.1	Đọc hiểu được các đoạn văn khoảng 400 chữ về các chủ điểm giao tiếp trong chương trình.	3	[2.2.8]
CDR2.2	<b>Vận dụng</b> giao tiếp bằng tiếng Trung ở mức cơ bản trong cuộc sống hàng ngày, học tập và nghề nghiệp của mình. Có thể giao tiếp bằng tiếng Hoa khi đi du lịch ở Trung Quốc.	3	[2.2.8]
CDR3	<b>Mức tự chủ và trách nhiệm</b>		
CDR3.1	Có năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm.	4	[2.3.1]
CDR3.2	Có khả năng giao tiếp, thuyết trình và giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp.	4	[2.3.1]
CDR3.3	Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.	4	[2.3.1]

#### 10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần:

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CDR1		CDR2		CDR3		
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 3.1	CDR 3.2	CDR 3.3
1	<p><b>第四课</b> 快上来吧，要开车了</p> <p>一、课文 二、生词 三、注释 四、语法：结果补语 五、练习</p>	X	X	X	X	X	X	X
2	<p><b>第五课</b> 我听过钢琴节奏曲《黄河》</p> <p>一、课文 二、生词 三、注释 四、语法：结果补语 五、练习</p>	X	X	X	X	X	X	X
3	<b>第六课</b>	X	X	X	X	X	X	X

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CDR1		CDR2		CDR3		
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 3.1	CDR 3.2	CDR 3.3
	我是跟旅游团一起来的 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法：结果补语 五、练习							
4	<b>第七课</b> 我的护照你找到了没有 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法：结果补语 五、练习	X	X	X	X	X	X	X
5	<b>第八课：我的眼镜摔坏了</b> 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法：结果补语 五、练习	X	X	X	X	X	X	X
6	<b>第九课：要是忘拔下来了</b> 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法：动作即将发生 五、练习	X	X	X	X	X	X	X
7	<b>第十课 会议厅的门开着呢</b> 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法：动作即将发生 五、练习	X	X	X	X	X	X	X

## 11. Đánh giá học phần

### 11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

Chuẩn đầu ra	Mức độ thành thạo được đánh giá bởi
CĐR1	Bài tập thực hành, bài kiểm tra thường xuyên, bài kiểm tra giữa học phần
CĐR2	Bài tập thực hành hội thoại trong giờ học, bài kiểm tra giữa học phần và bài thi kết thúc học phần
CĐR3	Bài tập thực hành hội thoại trong các giờ học, bài kiểm tra giữa học phần và bài thi kết thúc học phần

**11.2. Cách tính điểm học phần:** Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1.	- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, tham gia nghiên cứu tài liệu. - Hoàn thành các bài tập được giao.	1 điểm	20%	
2.	Điểm kiểm tra giữa học phần	1 điểm	30%	
3.	Thi kết thúc học phần	1 điểm Hình thức thi: Tự luận Thời gian: 90 phút	50%	

### 11.3. Phương pháp đánh giá

- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần của sinh viên được đánh giá thông qua ý thức học tập, tỉ lệ hiện diện, tinh thần tác phong xây dựng bài, tinh thần thực hiện chủ đề tự học. Hội thoại được đánh giá theo các nội dung: Trình bày nội dung hội thoại theo chủ đề, cách sử dụng từ vựng, cấu trúc, phát âm, ngữ điệu và tư thế, tác phong, ngôn ngữ cơ thể khi thực hành hội thoại.

- Kiểm tra giữa học phần diễn ra vào tuần số 8 dưới hình thức vấn đáp. Trong quá trình kiểm tra, sinh viên không được sử dụng từ điển, điện thoại hay bất kỳ tài liệu khác. Nội dung kiểm tra giữa học phần theo dạng HSK 3 gồm 3 kỹ năng nghe, đọc và viết với các yêu cầu về nội dung tương ứng với kiến thức đã học trong học phần về phần từ vựng, cấu trúc câu, ngữ pháp.

- Thi kết thúc học phần theo kế hoạch tiến độ đào tạo. Sinh viên được giảng viên phụ đạo ít nhất 1 buổi trước khi thi. Đề thi được trưởng bộ môn chọn một cách ngẫu nhiên trong ngân hàng câu hỏi đã được nghiệm thu và được in sao đề tại phòng QLCL và đóng dấu niêm phong. Trong quá trình thi sinh viên không được sử dụng từ điển, điện thoại hay bất kỳ tài liệu khác.

- Điểm chấm được đánh giá theo đáp án trong ngân hàng câu hỏi thi kết thúc học phần đã được phê duyệt, ban hành.

## 12. Phương pháp dạy và học

- Tại lớp học lý thuyết, giảng viên hướng dẫn sinh viên đọc từ vựng, giải thích cách sử dụng từ, cấu trúc câu, cách chia động từ..., hướng dẫn sinh viên làm bài tập vận dụng; sau đó tóm tắt nội dung của bài học. Giảng viên cũng trình bày phân tích cấu trúc và lấy ví dụ minh họa. Sinh viên cần lắng nghe và ghi chép và được khuyến khích tích cực thực hành các kỹ năng dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Trong quá trình thực hành hội thoại giảng viên định hướng cho sinh viên học tập theo theo định hướng năng lực thực hiện: Hội thoại đóng vai nhân vật kết hợp với thể hiện tác phong của nhân vật tham gia hội thoại.

- Sinh viên chủ động tiếp cận các phương pháp học trực tuyến với sự trợ giúp của máy tính trong giờ tự học ở nhà.

## 13. Yêu cầu học phần

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các tiết học (tối thiểu 80% số tiết học trên lớp) dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

- Hoàn thành các bài tập trong giáo trình và đọc tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo theo quy định của giảng viên.

- Có đầy đủ điểm thường xuyên, điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia luyện tập, thảo luận theo yêu cầu của giáo viên.

- Có đầy đủ dụng cụ và tài liệu học tập.

## 14 Tài liệu học tập:

### \* Tài liệu bắt buộc:

[1] - Dương Ký Châu (2007), *Giáo trình Hán ngữ (tập 2, quyển thượng)*, NXB Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh.

### \* Tài liệu tham khảo:

[2] - Khương Lê Bình (2009), *Giáo trình chuẩn HSK 2*, NXB Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh.

[3] - Khương Lê Bình (2016), *Giáo trình chuẩn HSK 3*, NXB Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh.

## 15 . Nội dung chi tiết học phần

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
1	第四课 快上来吧，要开车了 <b>Mục tiêu:</b> - Liệt kê được các từ vựng trong bài học.	3		[1]	- <b>Đọc và tra từ điển:</b> Trang 54 - 59 tài liệu [1] - Luyện nghe bài khóa, từ mới tài liệu [1]

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài.</li> <li>- Đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài.</li> <li>- Đọc hiểu và dịch lưu loát nội dung bài khóa.</li> </ul> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>一、课文</li> <li>二、生词</li> <li>三、注释</li> </ul>				
2	<p style="text-align: center;"><b>第四课</b></p> <p style="text-align: center;">快上来吧，要开车了</p> <p><b>Mục tiêu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày cách dùng và sử dụng được cấu trúc câu bổ ngữ xu hướng</li> <li>- Vận dụng kiến thức ngữ pháp trên làm các bài tập</li> </ul> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>四、语法：趋向补语</li> <li>五、练习</li> </ul>	3		[1] [2]	<p><b>- Đọc và tra từ điển:</b></p> <p>Trang 60 - 64 tài liệu [1] Trang 12 - 14 tài liệu [2]</p> <p><b>- Hoàn thành bài tập:</b></p> <p>Trang 64 - 69 tài liệu [1]</p>
3	<p style="text-align: center;"><b>第五课</b></p> <p style="text-align: center;">我听过钢琴节奏曲《黄河》</p> <p><b>Mục tiêu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Liệt kê được các từ vựng trong bài học.</li> <li>- Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài.</li> <li>- Đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài.</li> <li>- Đọc hiểu và dịch lưu loát nội dung bài khóa.</li> </ul> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>一、课文</li> <li>二、生词</li> <li>三、注释</li> </ul>	3		[1]	<p><b>- Đọc và tra từ điển:</b></p> <p>Trang 70 - 77 tài liệu [1]</p> <p>- Luyện nghe bài khóa, từ mới tài liệu [1]</p>
4	<p style="text-align: center;"><b>第五课</b></p>	3		[1] [2]	<p><b>- Đọc và tra từ điển:</b></p> <p>Trang 77 - 82 tài liệu [1]</p>



TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	<p>我听过钢琴节奏曲《黄河》</p> <p><b>Mục tiêu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được đặc điểm cách dùng các hiện tượng ngữ pháp: Trợ từ động thái 过, bỏ ngữ động lượng, cách biểu đạt số thứ tự.</li> <li>- Vận dụng kiến thức ngữ pháp trên làm các bài tập</li> </ul> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p>四、语法：结果补语</p> <p>五、练习</p>				<p>Trang 106 -110 tài liệu [2]</p> <p>- <b>Hoàn thành bài tập:</b></p> <p>Trang 83 - 87 tài liệu [1]</p>
5	<p>第六课</p> <p>我是跟旅游团一起来的</p> <p><b>Mục tiêu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Liệt kê được các từ vựng trong bài học.</li> <li>- Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài.</li> <li>- Đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài.</li> <li>- Đọc hiểu và dịch lưu loát nội dung bài khóa.</li> </ul> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p>一、课文</p> <p>二、生词</p> <p>三、注释</p>	3		[1]	<p>- <b>Đọc và tra từ điển:</b></p> <p>Trang 88 - 93 tài liệu [1]</p> <p>- Luyện nghe bài khóa, từ mới tài liệu [1]</p>
6	<p>第六课</p> <p>我是跟旅游团一起来的</p> <p><b>Mục tiêu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu cách dùng và sử dụng thành thạo cấu trúc “是...的”, “一...就” và tính từ lặp lại.</li> <li>- Vận dụng kiến thức ngữ pháp trên làm các bài tập.</li> </ul> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p>	3		[1] [2]	<p>- <b>Đọc, tra từ điển</b></p> <p>Trang 93 - 98 tài liệu [1]</p> <p>Trang 26 - 28 tài liệu [2]</p> <p>- <b>Hoàn thành bài tập:</b></p> <p>Trang 99 - 104 tài liệu [1]</p>

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	四、语法： (一) 是 ..... 的 (二) 一 .... 就 (三) 形容词重叠 五、练习				
7	第七课 我的护照你找到了没有 <b>Mục tiêu:</b> - Liệt kê được các từ vựng trong bài học. - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài. - Đọc hiểu và dịch lưu loát nội dung bài khóa. <b>Nội dung cụ thể:</b> 一、课文 二、生词 三、注释	3		[1]	<b>- Đọc và tra từ điển:</b> Trang 105-109 tài liệu [1] - Luyện nghe bài khóa, từ mới tài liệu [1]
8	第七课 我的护照你找到了没有 <b>Mục tiêu:</b> - Hiểu cách dùng và sử dụng thành thạo cấu trúc câu vị ngữ chủ vị - Vận dụng kiến thức ngữ pháp trên làm các bài tập <b>Nội dung cụ thể:</b> 四、语法：主谓谓语句 Kiểm tra giữa học phần	3		[1] [2]	<b>- Đọc và tra từ điển:</b> Trang 110-114 tài liệu [1] - Ôn tập từ mới và ngữ pháp từ bài 4 đến bài 6 tài liệu [1], tài liệu [2] - Làm bài kiểm tra giữa học phần
9	第七课 我的护照你找到了没有 <b>Mục tiêu:</b> - Vận dụng kiến thức ngữ pháp và từ vựng đã học vào	3		[1]	<b>- Hoàn thành bài tập:</b> Trang 114-118 tài liệu [1]

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	bài tập <b>Nội dung cụ thể:</b> 五、练习				
10	<b>第八课：我的眼镜摔坏了</b> <b>Mục tiêu:</b> - Liệt kê được các từ vựng trong bài học. - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài. - Đọc hiểu và dịch lưu loát nội dung bài khóa. <b>Nội dung cụ thể:</b> 一、课文 二、生词 三、注释	3		[1]	- <b>Đọc và tra từ điển:</b> Trang 119-124 tài liệu [1] - Luyện nghe bài khóa, từ mới tài liệu [1]
11	<b>第八课：我的眼镜摔坏了</b> <b>Mục tiêu:</b> - Trình bày cách dùng và sử dụng cấu trúc câu bị động - Vận dụng kiến thức ngữ pháp trên làm các bài tập. <b>Nội dung cụ thể:</b> 四、语法： （一）被动句 （二）量词重叠 （三）一年比一年 五、练习	3		[1] [2]	- <b>Đọc và tra từ điển:</b> Trang 124-128 tài liệu [1] Trang 42 - 44 tài liệu [2] - <b>Hoàn thành bài tập:</b> Trang 128-132 tài liệu [1]
12	<b>第九课：钥匙忘拔下来了</b> <b>Mục tiêu:</b> - Liệt kê được các từ vựng trong bài học. - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài.	3		[1]	- <b>Đọc và tra từ điển:</b> Trang 133-137 tài liệu [1] - Luyện nghe bài khóa, từ mới tài liệu [1]

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	- Đọc hiểu và dịch lưu loát nội dung bài khóa. <b>Nội dung cụ thể:</b> 一、课文 二、生词				
13	第九课: 钥匙忘拔下来了 <b>Mục tiêu:</b> - Trình bày cách dùng và sử dụng cấu trúc câu bổ ngữ xu hướng phức - Vận dụng kiến thức ngữ pháp trên làm các bài tập <b>Nội dung cụ thể:</b> 三、语法: 符合趋向补语 四、练习	3		[1] [3]	- <b>Đọc và tra từ điển:</b> Trang 137- 142 tài liệu [1] Trang 108-110 tài liệu [3] - <b>Hoàn thành bài tập:</b> Trang 143-148 tài liệu [1]
14	第十课 会议厅的门开着呢 <b>Mục tiêu:</b> - Liệt kê được các từ vựng trong bài học. - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài. - Đọc hiểu và dịch lưu loát nội dung bài khóa. <b>Nội dung cụ thể:</b> 一、课文 二、生词	3		[1]	- <b>Đọc và tra từ điển:</b> Trang 149-153 tài liệu [1] - Luyện nghe bài khóa, từ mới tài liệu [1]
15	第十课 会议厅的门开着呢 <b>Mục tiêu:</b> - Trình bày cách dùng và sử dụng cấu trúc câu dùng trợ từ động thái “着” - Vận dụng kiến thức ngữ pháp trên làm các bài tập <b>Nội dung cụ thể:</b> 三、语法	3		[1] [3]	- <b>Đọc và tra từ điển:</b> Trang 153-156 tài liệu [1] Trang 21 - 24 tài liệu [3] - <b>Hoàn thành bài tập:</b> Trang 157-160 tài liệu [1]

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	动态助词“着” 五、练习				

Ngày 02 tháng 8 năm 2019

TRƯỞNG KHOA      TRƯỞNG BỘ MÔN

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên

Nguyễn Đăng Tiến

Nguyễn Thị Hoa